

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số, bao gồm: đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người.
- Học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

3. Các cơ sở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học; trường phổ thông dân tộc nội trú; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chế độ cử tuyển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cử tuyển là việc tuyển sinh qua phương thức xét tuyển vào trung cấp, cao đẳng, đại học đối với người học là người dân tộc thiểu số rất ít người; người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số để đào tạo cán bộ, công chức theo yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao và số biên chế công chức được giao; đào tạo viên chức theo nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Dân tộc thiểu số rất ít người gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ.

3. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm:

a) Huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1;

b) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chưa đạt theo quy định:

a) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 15% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã;

b) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân

tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 30% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã;

c) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 40% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã;

d) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 50% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

Điều 4. Nguyên tắc cử tuyển

1. Đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.
3. Cơ quan cử người đi học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm cho người được cử đi học sau khi tốt nghiệp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:
 - a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;
 - b) Được cấp học bổng, miễn học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;
 - c) Được tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.
2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:
 - a) Cam kết trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan cử đi học về việc bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp;
 - b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục; hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;
 - c) Bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Chương II

TIÊU CHUẨN, CHỈ TIÊU, QUY TRÌNH, ĐÀO TẠO VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Điều 6. Tiêu chuẩn tuyển sinh theo chế độ cử tuyển

1. Tiêu chuẩn chung

a) Có hộ khẩu thường trú từ 5 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này;

b) Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển;

c) Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành;

d) Không thuộc biên chế Nhà nước.

2. Tiêu chuẩn đối với người được cử tuyển vào đại học

a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại khá trở lên;

c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên;

d) Có thời gian học đủ 3 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo hộ khẩu thường trú hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Tiêu chuẩn đối với người được cử tuyển vào cao đẳng

a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại khá trở lên;

c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;

d) Có thời gian học đủ 3 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo hộ khẩu thường trú hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Tiêu chuẩn đối với người được cử tuyển vào trung cấp

- a) Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông;
- b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học cuối đạt loại khá trở lên;
- c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;
- d) Có thời gian học đủ 4 năm học và tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc học đủ 3 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo hộ khẩu thường trú hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

5. Ưu tiên trong tuyển sinh cử tuyển

Người đạt đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh cử tuyển quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì được ưu tiên trong cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp:

- a) Người học tại trường phổ thông dân tộc nội trú;
- b) Người trúng tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp tại năm xét đi học cử tuyển;
- c) Người đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp;
- d) Con liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh.

Điều 7. Chỉ tiêu cử tuyển

1. Nguyên tắc xác định chỉ tiêu cử tuyển

- a) Chỉ tiêu cử tuyển được xác định theo từng năm và được cơ quan có thẩm quyền giao theo từng ngành nghề, trình độ đào tạo;
- b) Chỉ tiêu cử tuyển với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này phải được giao riêng trong tổng chỉ tiêu cử tuyển giao hàng năm cho các địa phương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

2. Đề xuất chỉ tiêu cử tuyển

a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và số biên chế công chức được giao đối với vị trí việc làm là cán bộ, công chức; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức và căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có đối tượng cử

tuyển quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này để làm căn cứ đề xuất chỉ tiêu cử tuyển;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm với Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (mẫu số 01 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này).

3. Phê duyệt và giao chỉ tiêu cử tuyển

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc xét và giao chỉ tiêu cử tuyển cho Ủy ban nhân dân các tỉnh.

Điều 8. Quy trình cử tuyển

1. Thông báo kế hoạch cử tuyển

Căn cứ chỉ tiêu cử tuyển được giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cử tuyển và phải đăng thông báo công khai ít nhất 02 lần trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, huyện, xã là báo in hoặc báo điện tử hoặc báo nói hoặc báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung thông báo kế hoạch cử tuyển gồm:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu cử tuyển;

b) Vị trí việc làm cho từng chỉ tiêu;

c) Thời hạn, địa điểm, phương thức tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển, số điện thoại của bộ phận được phân công trực tiếp nhận hồ sơ;

3. Người đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển nộp trực tiếp hồ sơ tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển gồm:

a) Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (mẫu số 02 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy khai sinh;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời);

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực học bạ cấp học cuối;

e) Giấy báo điểm kỳ thi trung học phổ thông (nếu có);

f) Giấy báo trúng tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có);

g) Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi (nếu có);

h) Giấy xác nhận thường trú đủ 5 năm liên tục tính đến năm tuyển sinh do công an cấp xã cấp (mẫu số 03 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này) và bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hộ khẩu thường trú;

i) Giấy khám sức khỏe do trung tâm y tế cấp huyện trở lên hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền cấp;

k) Giấy chứng nhận con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh (nếu có);

l) Hai ảnh chân dung (cỡ 4 x 6 cm) mới chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

m) Sơ yếu lý lịch có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã hoặc phường, thị trấn;

n) Một phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của người đăng ký học theo chế độ cử tuyển.

5. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch cử tuyển công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, hội đồng cử tuyển phải lập danh sách người có đủ tiêu chuẩn dự tuyển học theo chế độ cử tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

7. Thành lập hội đồng cử tuyển

a) Hội đồng cử tuyển (sau đây gọi tắt là hội đồng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tuyển sinh cử tuyển;

b) Thành phần hội đồng gồm: Chủ tịch hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ tịch thường trực hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Chủ tịch hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ và Trưởng ban Dân tộc tỉnh; các thành viên khác gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực dự kiến xét tuyển, Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

c) Nhiệm vụ của hội đồng: thẩm định hồ sơ, xét chọn và đề xuất danh sách người được đi học theo chế độ cử tuyển theo chỉ tiêu được giao trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đề xuất danh sách người được đi học theo chế độ cử tuyển;

d) Nguyên tắc làm việc của hội đồng: hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch hội đồng;

e) Thông báo kết quả xét duyệt: sau khi danh sách người đi học theo chế độ cử tuyển được phê duyệt, hội đồng thông báo công khai kết quả xét duyệt cử tuyển trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo lĩnh vực sự nghiệp giáo dục đào tạo theo chế độ cử tuyển với các cơ sở giáo dục; quyết định cử người đi học cử tuyển đúng đối tượng, tiêu chuẩn và danh sách đã phê duyệt.

Điều 9. Đào tạo cử tuyển

1. Đào tạo dự bị đại học, cao đẳng đối với người học cử tuyển

a) Đối tượng phải qua đào tạo dự bị

Người được cử tuyển để đào tạo trình độ đại học, cao đẳng là học sinh phổ thông phải học một năm dự bị tại trường dự bị đại học hoặc tại khoa dự bị đại học của các trường được phép đào tạo dự bị đại học;

b) Đối tượng không qua đào tạo dự bị

Người trúng tuyển vào đại học, cao đẳng tại năm xét đi học cử tuyển không phải học dự bị mà được chuyển ngay vào đào tạo đại học, cao đẳng;

c) Tổ chức đào tạo dự bị

Việc tổ chức đào tạo dự bị và xét tuyển vào học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Sau khi kết thúc một năm học dự bị, nếu người học không đủ điều kiện vào học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng thì được học lưu ban không quá một năm; trong năm học lưu ban, người học được hưởng các quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ như năm học thứ nhất.

2. Đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp đối với người học cử tuyển

a) Người học theo chế độ cử tuyển được đào tạo trong hệ thống giáo dục chính quy và bố trí học chung với các người học khác của cơ sở giáo dục theo ngành đào tạo;

b) Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học: chương trình có thời gian học từ 3 đến dưới 5 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 2 năm học (4 học kỳ); chương trình có thời gian học từ 5 đến 6 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 3 năm học (6 học kỳ);

c) Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: chương trình có thời gian học dưới 3 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 1 năm học (2 học kỳ);

d) Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ trung cấp: chương trình có thời gian học dưới 2 năm học, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 1/2 năm học (1 học kỳ);

e) Trong thời gian được cộng thêm để hoàn thành chương trình, người học cử tuyển được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ như các năm học trước;

g) Việc tổ chức đào tạo, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 10. Kinh phí đào tạo cử tuyển

1. Kinh phí để đào tạo người học theo chế độ cử tuyển được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo hàng năm theo các quy định hiện hành.

2. Kinh phí đào tạo người học theo chế độ cử tuyển do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chi trả trực tiếp cho các cơ sở giáo dục theo quy định về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

Điều 11. Cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an căn cứ quy định tại Nghị định này hướng dẫn việc tổ chức cử tuyển, tổ chức đào tạo và cấp kinh phí đào tạo cử tuyển đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2, tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định này vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quản lý để đào tạo cán bộ cho Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Chương III

XÉT TUYỂN, BỐ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỒI HOÀN HỌC BỔNG, CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 12. Xét tuyển và bố trí việc làm cho người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp

1. Hàng năm, các cơ sở giáo dục gửi danh sách, bản giao hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và số biên chế công chức được giao đối với vị trí việc làm là cán bộ, công chức; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức và căn cứ vào hồ sơ người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp để xây dựng kế hoạch xét tuyển vào công chức, viên chức đối với người học theo chế độ cử tuyển.

Điều 13. Quy trình xét tuyển và bố trí việc làm

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng thông báo kế hoạch xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển công khai ít nhất 01 lần trên các

phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, huyện, xã là báo in hoặc báo điện tử hoặc báo nói hoặc báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ.

2. Nội dung thông báo kế hoạch xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển gồm:

- a) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét tuyển;
- b) Số lượng công chức, viên chức cần tuyển ứng với vị trí việc làm;
- c) Thời hạn, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại của bộ phận được phân công trực tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Hình thức, nội dung xét tuyển; thời gian, địa điểm xét tuyển.

3. Người đăng ký xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển nộp trực tiếp phiếu đăng ký dự tuyển (mẫu số 04 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này) tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ.

4. Thời hạn nhận phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký xét tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển được đăng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tổ chức xét tuyển, thông báo kết quả xét tuyển, thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với người xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hoặc gửi hồ sơ tới các đơn vị, tổ chức khác có nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

6. Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bố trí việc làm tối đa là 12 tháng, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển.

Điều 14. Trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

1. Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

2. Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

3. Người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động.

Điều 15. Nội dung bồi hoàn, cách tính bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

1. Nội dung bồi hoàn bao gồm: học bổng chính sách và các khoản chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước cấp cho người học theo chế độ cử tuyển. Tiền bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Cách tính tiền bồi hoàn

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này, cách tính tiền bồi hoàn được xác định như sau:

$$TS = (HB+CF) \times n$$

Trong đó: TS là tổng số tiền phải bồi hoàn; HB là học bổng chính sách người học được hưởng trong một năm; CF là chi phí đào tạo người học trong một năm; n là số năm mà người học đã học theo chế độ cử tuyển.

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định này, cách tính tiền bồi hoàn được xác định như sau:

Số tiền người học theo chế độ cử tuyển phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo được tính như sau:

$$TS = \frac{T - t}{T} \times (HB+CF) \times n$$

Trong đó: T là số năm người cử tuyển phải chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động; t là số năm người cử tuyển đã làm việc theo sự điều động; các ký hiệu: TS, HB, CF và n xác định theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 16. Tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng

Bộ Công an và Bộ Quốc phòng căn cứ vào quy định tại Nghị định này, quy định cụ thể việc tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các Bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học cử tuyển trình độ đại học, cao đẳng sư phạm.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học cử tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo thẩm quyền chỉ đạo thống nhất việc tuyển chọn, đào tạo, tiếp nhận, phân công công tác và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn và bố trí ngân sách thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định tại Nghị định này.

5. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các địa phương xác định phạm vi, mức độ của các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và việc phân vùng khu vực theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp chỉ tiêu cử tuyển do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất để đưa vào kế hoạch hằng năm và 5 năm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm về việc trình đề xuất chỉ tiêu, tuyển chọn, cử và quản lý người đi học theo chế độ cử tuyển; chỉ đạo tổ chức xét tuyển và bố trí việc làm đối với người học cử tuyển sau tốt nghiệp theo quy định.

2. Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục để thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và bố trí ngân sách thực

hiện. Yêu cầu người học theo chế độ cử tuyển ký các cam kết thực hiện nghĩa vụ của người học theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và các quy định về quá trình học tập tại các cơ sở giáo dục.

3. Hằng năm, tổ chức giao ban giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với cơ sở giáo dục và người học cử tuyển. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh của năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc (mẫu số 05 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này).

4. Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tuyển sinh cử tuyển thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh trong nguồn cử tuyển được vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục

1. Tiếp nhận, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo người học theo chế độ cử tuyển và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định.

2. Định kỳ hằng năm thông báo cho cơ quan cử người đi học về kết quả học tập và rèn luyện của người học theo chế độ cử tuyển, thời gian tốt nghiệp đối với người học năm cuối khoá.

3. Bàn giao cho cơ quan cử người đi học hồ sơ của người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp hoặc trong trường hợp thôi học.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

Các quy định về chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP. trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). XH

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2020/NĐ-CP
ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển
Mẫu số 02	Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển
Mẫu số 03	Giấy xác nhận thường trú tại địa phương
Mẫu số 04	Phiếu đăng ký dự xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển
Mẫu số 05	Báo cáo thực hiện kết quả cử tuyển

Mẫu số 01. Tờ trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... thángnăm.....

TỜ TRÌNH**Đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển**

(Năm.....)

Kính gửi:

1. Tình hình triển khai thực hiện chế độ cử tuyển tại địa phương

- a) Số lượng sinh viên cử tuyển đang học hiện nay (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
- b) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp;
- c) Các vấn đề khác liên quan.

2. Căn cứ đề nghị chỉ tiêu cử tuyển

- a) Thuyết minh căn cứ đề xuất số lượng người học cử tuyển (yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao và số biên chế công chức được giao ...);
- b) Các phương án, điều kiện đảm bảo bố trí việc làm cho người học cử tuyển sau tốt nghiệp.

3. Đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển

- a) Danh sách đề xuất chỉ tiêu người học theo chế độ cử tuyển, chia ra: danh sách đề xuất chỉ tiêu cử tuyển các dân tộc rất ít người và các dân tộc chưa có hoặc có rất ít cán bộ;
- b) Danh sách đề xuất chỉ tiêu theo các ngành học: Y-Dược, Kỹ thuật, Nông lâm, Kinh tế, Sư phạm và các ngành học khác (mỗi ngành chia theo trình độ đào tạo: trung cấp, cao đẳng, đại học).

CƠ QUAN TRÌNH

(Thủ trưởng ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày..... thángnăm.....***ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

1. Họ và tên người đăng ký học:Nam/nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Dân tộc: Tôn giáo
4. Địa chỉ thường trú (ghi rõ thôn, bản, xã, huyện, tỉnh):
5. Ngành dự định xin học:
- Trình độ đào tạo (ĐH, CĐ, TC):
6. Thuộc đối tượng ưu tiên
7. Đã tốt nghiệp:
- Ngày, tháng, năm dự thi tốt nghiệp:
8. Xếp loại năm cuối cấp/ cuối khoá: Học lực: Hạnh kiểm (rèn luyện).....
9. Điểm các môn thi THPT: Môn 1:....; Môn 2:....; Môn 3:; Môn 4:....; Môn.....
10. Điểm thi đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có)
11. Đạt giải (nếu có) môn kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi olympic: năm

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết: chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với người học theo chế độ cử tuyển, sau khi tốt nghiệp sẽ chấp hành sự bố trí việc làm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Nếu không thực hiện đúng những quy định đối với người học theo chế độ cử tuyển, tôi sẽ có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành.

Khi cần, báo tin cho ai, địa chỉ, điện thoại (nếu có):

.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ HỌC*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 03. Giấy xác nhận thường trú tại địa phương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THƯỜNG TRÚ
TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi:

Tôi tên là (1) :..... Giới tính.....

Ngày tháng năm sinh:.....

CMND hoặc căn cước công dân số :..... Cấp ngày Nơi cấp.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (2):.....

Hiện nay đang học tại (3):

Nay tôi làm đơn này, kính đề nghị Công an xã (4)..... xác nhận:

1. Tôi có hộ khẩu thường trú nêu trên từ ngày ...tháng...nămđến ngàytháng
...năm..... (là 5 năm liên tục).

2. Có một trong các nhân thân sau:

a) Ông:..... là bố đẻ và Bà:..... là mẹ đẻ

b) Hoặc: Ông:..... là bố nuôi và Bà:..... là mẹ nuôi

c) Hoặc: Ông:..... là người nuôi dưỡng và Bà:..... là người nuôi dưỡng

Có hộ khẩu thường trú và đang sống ở tại địa chỉ thường trú nêu trên từ ngày ...tháng...năm
.....đến ngàytháng ...năm..... (là 5 năm liên tục).

Lý do xác nhận (5):.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Địa danh, ngày tháng năm ...

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG AN:

Xác nhận anh (chị) sinh ngày ... tháng ... năm
có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: từ ngày
..... tháng năm đến ngày tháng năm

Địa danh, ngày tháng năm

Trưởng (hoặc Phó) Cơ quan Công an

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Viết chữ in hoa.

(2) Ghi rõ: Thôn (bản), phum, sóc..., xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).

(3) Ghi rõ trường đang học năm cuối cấp.

(4) Công an phường/xã/thị trấn.

(5) Để xét đi học theo chế độ cử tuyển.

Mẫu số 04. Phiếu đăng ký dự xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... thángnăm.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ XÉT TUYỂN VÀO CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Vị trí dự tuyển (1):.....

Đơn vị dự tuyển (2):.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Nam..... Nữ.....

Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:..... Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:..... Email:.....

Quê quán:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):

Tình trạng sức khoẻ:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hoá:.....

Trình độ chuyên môn:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

IV. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin trên./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng.

Mẫu số 05. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày..... thángnăm.....***BÁO CÁO****Kết quả thực hiện chế độ cử tuyển***(Năm.....)*

Kính gửi:

1. Tình hình triển khai thực hiện chế độ cử tuyển tại địa phương

- a) Số lượng sinh viên cử tuyển đang học hiện nay (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
- b) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp trong năm;
- c) Các vấn đề khác liên quan.

2. Đánh giá chung

- a) Ưu điểm;
- b) Hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự kiến công tác cử tuyển năm tiếp theo

- a) Số lượng sinh viên cử tuyển;
- b) Ngành học cử tuyển;
- c) Cơ cấu dân tộc;
- d) Kế hoạch xét duyệt học sinh đi học theo chế độ cử tuyển;
- e) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp.
- g) Các vấn đề khác.

4. Đề xuất, kiến nghị về chế độ cử tuyển (nếu có)**CƠ QUAN BÁO CÁO***(Thủ trưởng ký tên, đóng dấu)*